SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

**CẬP NHẬT THÔNG TIN CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ VN30**

Kỳ tháng 10/2026

| Stt | Mã cổ phiếu | Tên Công ty | Khối lượng lưu hành tính chỉ số | Tỷ lệ free-float làm tròn (%) | Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ACB | Ngân hàng TMCP Á Châu | 5,804,421,957 | 85% | 44.65% | |
| 2 | BID | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 7,778,229,473 | 6% | 44.65% | |
| 3 | BSR | CTCP – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam | 5,007,299,686 | 8% | 100.00% | |
| 4 | CTG | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 7,766,944,637 | 15% | 44.65% | |
| 5 | FPT | CTCP FPT | 1,885,727,648 | 85% | 100.00% | |
| 6 | GAS | Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP | 2,412,949,756 | 5% | 100.00% | |
| 7 | GVR | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP | 4,000,000,000 | 4% | 100.00% | |
| 8 | HDB | Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh | 6,506,859,219 | 80% | 44.65% | |
| 9 | HPG | CTCP Tập đoàn Hòa Phát | 8,442,964,520 | 60% | 100.00% | |
| 10 | LPB | Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam | 2,987,282,100 | 85% | 44.65% | |
| 11 | MBB | Ngân hàng TMCP Quân Đội | 10,068,749,885 | 50% | 44.65% | |
| 12 | MCH | CTCP Hàng tiêu dùng Masan | 1,307,404,949 | 20% | 100.00% | |
| 13 | MSN | CTCP Tập đoàn Masan | 1,460,374,611 | 60% | 100.00% | |
| 14 | MWG | CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động | 1,475,694,086 | 75% | 100.00% | |
| 15 | SAB | Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn | 1,282,562,372 | 11% | 100.00% | |
| 16 | SHB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội | 5,053,074,221 | 75% | 44.65% | |
| 17 | SSB | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | 3,428,800,000 | 55% | 44.65% | |
| 18 | SSI | CTCP Chứng khoán SSI | 3,001,302,333 | 70% | 44.65% | |
| 19 | STB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc | 1,885,215,716 | 95% | 44.65% | |
| 20 | TCB | Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | 10,629,360,621 | 55% | 44.65% | |
| 21 | TCX | CTCP Chứng khoán Kỹ Thương | 3,329,339,823 | 15% | 44.65% | |
| 22 | VCB | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | 8,355,675,094 | 11% | 44.65% | |
| 23 | VHM | CTCP Vinhomes | 8,214,824,008 | 30% | 32.54% | |
| 24 | VIB | Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam | 3,735,386,252 | 60% | 44.65% | |
| 25 | VIC | Tập đoàn Vingroup – CTCP | 7,762,186,429 | 35% | 17.68% | |
| 26 | VJC | CTCP Hàng không Vietjet | 769,092,961 | 50% | 100.00% | |
| 27 | VNM | CTCP Sữa Việt Nam | 2,089,955,445 | 40% | 100.00% | |
| 28 | VPB | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng | 10,000,000,000 | 55% | 44.65% | |
| 29 | VPL | CTCP Vinpearl | 1,793,300,377 | 14% | 32.54% | |
| 30 | VRE | CTCP Vincom Retail | 2,272,318,410 | 40% | 100.00% | |

## Danh mục cổ phiếu dự phòng chỉ số VN30

| Stt | Cổ phiếu | Tên Công ty | Khối lượng lưu hành tính chỉ số | Tỷ lệ free-float làm tròn (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | VCK | CTCP Chứng khoán VPS | 2,434,919,704 | 25% |
| 2 | GEE | CTCP Điện lực Gelex | 640,499,211 | 14% |
| 3 | VPX | CTCP Chứng khoán VPBANK | 1,875,000,000 | 20% |
| 4 | PLX | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 1,293,878,081 | 11% |

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

**CẬP NHẬT THÔNG TIN CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ VNMIDCAP**

Kỳ tháng 10/2026

| Stt | Mã cổ phiếu | Tên Công ty | Khối lượng lưu hành tính chỉ số | Tỷ lệ free-float làm tròn (%) | Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ANV | CTCP Nam Việt | 266,255,750 | 30% | 100.00% | |
| 2 | BAF | CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam | 405,361,006 | 70% | 100.00% | |
| 3 | BMP | CTCP Nhựa Bình Minh | 81,860,938 | 35% | 100.00% | |
| 4 | BSI | CTCP Chứng khoán BIDV | 269,901,549 | 14% | 100.00% | |
| 5 | BVH | Tập đoàn Bảo Việt | 742,322,764 | 10% | 100.00% | |
| 6 | BWE | CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương | 251,347,021 | 25% | 100.00% | |
| 7 | CII | CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TPHCM | 671,985,291 | 95% | 100.00% | |
| 8 | CMG | CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC | 232,891,908 | 35% | 100.00% | |
| 9 | CTD | CTCP Xây Dựng Coteccons | 111,823,220 | 55% | 100.00% | |
| 10 | CTR | Tổng CTCP Công trình Viettel | 128,109,533 | 35% | 100.00% | |
| 11 | CTS | CTCP Chứng khoán VIETINBANK | 272,244,939 | 25% | 100.00% | |
| 12 | DBC | CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam | 431,046,499 | 70% | 100.00% | |
| 13 | DCM | CTCP – Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau | 529,400,000 | 25% | 100.00% | |
| 14 | DGW | CTCP Thế Giới Số | 223,361,000 | 50% | 100.00% | |
| 15 | DIG | Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây Dựng | 844,192,763 | 100% | 100.00% | |
| 16 | DPM | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP | 679,925,021 | 40% | 100.00% | |
| 17 | DSE | CTCP Chứng khoán DNSE | 428,249,806 | 25% | 100.00% | |
| 18 | DXG | CTCP Bluemarq Group | 1,268,104,965 | 75% | 100.00% | |
| 19 | EIB | Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam | 1,862,720,607 | 80% | 100.00% | |
| 20 | EVF | Công ty Tài chính tổng hợp Cổ phần Điện lực | 760,565,802 | 95% | 100.00% | |
| 21 | FRT | CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT | 178,815,054 | 55% | 100.00% | |
| 22 | FTS | CTCP Chứng khoán FPT | 380,915,795 | 40% | 100.00% | |
| 23 | GEE | CTCP Điện lực Gelex | 640,499,211 | 14% | 100.00% | |
| 24 | GEX | CTCP Tập đoàn GELEX | 1,308,471,358 | 70% | 100.00% | |
| 25 | GMD | CTCP Gemadept | 649,337,392 | 95% | 100.00% | |
| 26 | HAG | CTCP Hoàng Anh Gia Lai | 1,267,399,283 | 55% | 100.00% | |
| 27 | HAH | CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An | 191,840,401 | 45% | 100.00% | |
| 28 | HCM | CTCP Chứng khoán TPHCM | 1,371,945,838 | 55% | 100.00% | |
| 29 | HDG | CTCP Tập đoàn Hà Đô | 406,957,333 | 50% | 100.00% | |
| 30 | HHV | CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả | 574,511,888 | 85% | 100.00% | |
| 31 | HSG | CTCP Tập đoàn Hoa Sen | 807,262,704 | 60% | 100.00% | |
| 32 | HT1 | CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên | 381,589,911 | 25% | 100.00% | |
| 33 | KBC | Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – CTCP | 941,754,759 | 65% | 100.00% | |
| 34 | KDC | CTCP Tập đoàn KIDO | 276,345,300 | 50% | 100.00% | |
| 35 | KDH | CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền | 1,234,436,388 | 60% | 100.00% | |
| 36 | KOS | CTCP KOSY | 216,481,335 | 40% | 100.00% | |
| 37 | MSB | Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | 3,744,000,000 | 65% | 100.00% | |
| 38 | NAB | Ngân hàng TMCP Nam Á | 2,058,822,282 | 85% | 100.00% | |
| 39 | NKG | CTCP Thép Nam Kim | 492,323,961 | 70% | 100.00% | |
| 40 | NLG | CTCP Đầu tư Nam Long | 485,097,383 | 80% | 100.00% | |
| 41 | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 287,876,029 | 30% | 100.00% | |
| 42 | NVL | CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va | 3,202,757,296 | 70% | 100.00% | |
| 43 | OCB | Ngân hàng TMCP Phương Đông | 3,062,510,126 | 35% | 100.00% | |
| 44 | PAN | CTCP Tập đoàn PAN | 250,673,166 | 45% | 100.00% | |
| 45 | PC1 | CTCP Tập đoàn PC1 | 411,285,343 | 45% | 100.00% | |
| 46 | PDR | CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt | 997,809,379 | 60% | 100.00% | |
| 47 | PHR | CTCP Cao Su Phước Hòa | 243,897,799 | 35% | 100.00% | |
| 48 | PLX | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 1,293,878,081 | 11% | 100.00% | |
| 49 | PNJ | CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận | 511,721,959 | 80% | 100.00% | |
| 50 | POW | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP | 3,067,845,688 | 20% | 100.00% | |
| 51 | PVD | Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí | 927,742,191 | 50% | 100.00% | |
| 52 | PVT | Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí | 516,918,938 | 50% | 100.00% | |
| 53 | REE | CTCP Cơ Điện Lạnh | 623,399,036 | 35% | 100.00% | |
| 54 | SBT | CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa | 934,634,155 | 45% | 100.00% | |
| 55 | SIP | CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG | 242,112,943 | 45% | 100.00% | |
| 56 | SJS | CTCP SJ Group | 297,474,828 | 80% | 100.00% | |
| 57 | TAL | CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco | 503,999,708 | 40% | 100.00% | |
| 58 | TCH | CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy | 1,003,312,808 | 60% | 100.00% | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 59 | TPB | Ngân hàng TMCP Tiên Phong | 3,190,134,896 | 50% | 100.00% | |
| 60 | VCG | Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam | 698,176,245 | 55% | 100.00% | |
| 61 | VCI | CTCP Chứng khoán Vietcap | 1,152,231,925 | 75% | 100.00% | |
| 62 | VCK | CTCP Chứng khoán VPS | 2,434,919,704 | 25% | 100.00% | |
| 63 | VGC | Tổng Công ty Viglacera – CTCP | 448,350,000 | 12% | 100.00% | |
| 64 | VHC | CTCP Vĩnh Hoàn | 209,453,159 | 40% | 100.00% | |
| 65 | VIX | CTCP Chứng khoán VIX | 2,572,788,533 | 100% | 100.00% | |
| 66 | VND | CTCP Chứng khoán VNDIRECT | 1,522,299,908 | 75% | 100.00% | |
| 67 | VPI | CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú | 352,054,374 | 40% | 100.00% | |
| 68 | VPX | CTCP Chứng khoán VPBANK | 1,875,000,000 | 20% | 100.00% | |
| 69 | VSC | CTCP Container Việt Nam | 374,370,362 | 95% | 100.00% | |
| 70 | VTP | Tổng CTCP Bưu chính Viettel | 201,885,171 | 40% | 100.00% | |

## Danh mục cổ phiếu dự phòng chỉ số VNMidcap

| Stt | Cổ phiếu | Tên Công ty | Khối lượng lưu hành tính chỉ số | Tỷ lệ free-float làm tròn (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | VAB | Ngân hàng TMCP Việt Á | 902,075,041 | 85% |
| 2 | IJC | CTCP Phát triển Hạ Tầng Kỹ Thuật | 629,580,640 | 50% |
| 3 | HHS | CTCP Đầu tư Dịch Vụ Hoàng Huy | 431,985,968 | 40% |
| 4 | ORS | CTCP Chứng khoán Tiên Phong | 623,930,904 | 50% |
| 5 | SZC | CTCP Sonadezi Châu Đức | 179,985,863 | 40% |
| 6 | GEG | CTCP Điện Gia Lai | 376,220,525 | 30% |
| 7 | DXS | CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh | 579,103,124 | 40% |
| 8 | ACG | CTCP Gỗ An Cường | 150,787,946 | 11% |
| 9 | SCS | CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn | 95,907,682 | 45% |

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

**CẬP NHẬT THÔNG TIN CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CHỈ SỐ VN100**

Kỳ tháng 10/2026

| Stt | Mã cổ phiếu | Tên Công ty | Khối lượng lưu hành tính chỉ số | Tỷ lệ free-float làm tròn (%) | Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ACB | Ngân hàng TMCP Á Châu | 5,804,421,957 | 85% | 100.00% | |
| 2 | ANV | CTCP Nam Việt | 266,255,750 | 30% | 100.00% | |
| 3 | BAF | CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam | 405,361,006 | 70% | 100.00% | |
| 4 | BID | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 7,778,229,473 | 6% | 100.00% | |
| 5 | BMP | CTCP Nhựa Bình Minh | 81,860,938 | 35% | 100.00% | |
| 6 | BSI | CTCP Chứng khoán BIDV | 269,901,549 | 14% | 100.00% | |
| 7 | BSR | CTCP – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam | 5,007,299,686 | 8% | 100.00% | |
| 8 | BVH | Tập đoàn Bảo Việt | 742,322,764 | 10% | 100.00% | |
| 9 | BWE | CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương | 251,347,021 | 25% | 100.00% | |
| 10 | CII | CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TPHCM | 671,985,291 | 95% | 100.00% | |
| 11 | CMG | CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC | 232,891,908 | 35% | 100.00% | |
| 12 | CTD | CTCP Xây Dựng Coteccons | 111,823,220 | 55% | 100.00% | |
| 13 | CTG | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 7,766,944,637 | 15% | 100.00% | |
| 14 | CTR | Tổng CTCP Công trình Viettel | 128,109,533 | 35% | 100.00% | |
| 15 | CTS | CTCP Chứng khoán VIETINBANK | 272,244,939 | 25% | 100.00% | |
| 16 | DBC | CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam | 431,046,499 | 70% | 100.00% | |
| 17 | DCM | CTCP – Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau | 529,400,000 | 25% | 100.00% | |
| 18 | DGW | CTCP Thế Giới Số | 223,361,000 | 50% | 100.00% | |
| 19 | DIG | Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây Dựng | 844,192,763 | 100% | 100.00% | |
| 20 | DPM | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP | 679,925,021 | 40% | 100.00% | |
| 21 | DSE | CTCP Chứng khoán DNSE | 428,249,806 | 25% | 100.00% | |
| 22 | DXG | CTCP Bluemarq Group | 1,268,104,965 | 75% | 100.00% | |
| 23 | EIB | Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam | 1,862,720,607 | 80% | 100.00% | |
| 24 | EVF | Công ty Tài chính tổng hợp Cổ phần Điện lực | 760,565,802 | 95% | 100.00% | |
| 25 | FPT | CTCP FPT | 1,885,727,648 | 85% | 100.00% | |
| 26 | FRT | CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT | 178,815,054 | 55% | 100.00% | |
| 27 | FTS | CTCP Chứng khoán FPT | 380,915,795 | 40% | 100.00% | |
| 28 | GAS | Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP | 2,412,949,756 | 5% | 100.00% | |
| 29 | GEE | CTCP Điện lực Gelex | 640,499,211 | 14% | 100.00% | |
| 30 | GEX | CTCP Tập đoàn GELEX | 1,308,471,358 | 70% | 100.00% | |
| 31 | GMD | CTCP Gemadept | 649,337,392 | 95% | 100.00% | |
| 32 | GVR | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP | 4,000,000,000 | 4% | 100.00% | |
| 33 | HAG | CTCP Hoàng Anh Gia Lai | 1,267,399,283 | 55% | 100.00% | |
| 34 | HAH | CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An | 191,840,401 | 45% | 100.00% | |
| 35 | HCM | CTCP Chứng khoán TPHCM | 1,371,945,838 | 55% | 100.00% | |
| 36 | HDB | Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh | 6,506,859,219 | 80% | 100.00% | |
| 37 | HDG | CTCP Tập đoàn Hà Đô | 406,957,333 | 50% | 100.00% | |
| 38 | HHV | CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả | 574,511,888 | 85% | 100.00% | |
| 39 | HPG | CTCP Tập đoàn Hòa Phát | 8,442,964,520 | 60% | 100.00% | |
| 40 | HSG | CTCP Tập đoàn Hoa Sen | 807,262,704 | 60% | 100.00% | |
| 41 | HT1 | CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên | 381,589,911 | 25% | 100.00% | |
| 42 | KBC | Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – CTCP | 941,754,759 | 65% | 100.00% | |
| 43 | KDC | CTCP Tập đoàn KIDO | 276,345,300 | 50% | 100.00% | |
| 44 | KDH | CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền | 1,234,436,388 | 60% | 100.00% | |
| 45 | KOS | CTCP KOSY | 216,481,335 | 40% | 100.00% | |
| 46 | LPB | Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam | 2,987,282,100 | 85% | 100.00% | |
| 47 | MBB | Ngân hàng TMCP Quân Đội | 10,068,749,885 | 50% | 100.00% | |
| 48 | MCH | CTCP Hàng tiêu dùng Masan | 1,307,404,949 | 20% | 100.00% | |
| 49 | MSB | Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | 3,744,000,000 | 65% | 100.00% | |
| 50 | MSN | CTCP Tập đoàn Masan | 1,460,374,611 | 60% | 100.00% | |
| 51 | MWG | CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động | 1,475,694,086 | 75% | 100.00% | |
| 52 | NAB | Ngân hàng TMCP Nam Á | 2,058,822,282 | 85% | 100.00% | |
| 53 | NKG | CTCP Thép Nam Kim | 492,323,961 | 70% | 100.00% | |
| 54 | NLG | CTCP Đầu tư Nam Long | 485,097,383 | 80% | 100.00% | |
| 55 | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 287,876,029 | 30% | 100.00% | |
| 56 | NVL | CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va | 3,202,757,296 | 70% | 100.00% | |
| 57 | OCB | Ngân hàng TMCP Phương Đông | 3,062,510,126 | 35% | 100.00% | |
| 58 | PAN | CTCP Tập đoàn PAN | 250,673,166 | 45% | 100.00% | |
| 59 | PC1 | CTCP Tập đoàn PC1 | 411,285,343 | 45% | 100.00% | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 60 | PDR | CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt | 997,809,379 | 60% | 100.00% | |
| 61 | PHR | CTCP Cao Su Phước Hòa | 243,897,799 | 35% | 100.00% | |
| 62 | PLX | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 1,293,878,081 | 11% | 100.00% | |
| 63 | PNJ | CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận | 511,721,959 | 80% | 100.00% | |
| 64 | POW | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP | 3,067,845,688 | 20% | 100.00% | |
| 65 | PVD | Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí | 927,742,191 | 50% | 100.00% | |
| 66 | PVT | Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí | 516,918,938 | 50% | 100.00% | |
| 67 | REE | CTCP Cơ Điện Lạnh | 623,399,036 | 35% | 100.00% | |
| 68 | SAB | Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn | 1,282,562,372 | 11% | 100.00% | |
| 69 | SBT | CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa | 934,634,155 | 45% | 100.00% | |
| 70 | SHB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội | 5,053,074,221 | 75% | 100.00% | |
| 71 | SIP | CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG | 242,112,943 | 45% | 100.00% | |
| 72 | SJS | CTCP SJ Group | 297,474,828 | 80% | 100.00% | |
| 73 | SSB | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | 3,428,800,000 | 55% | 100.00% | |
| 74 | SSI | CTCP Chứng khoán SSI | 3,001,302,333 | 70% | 100.00% | |
| 75 | STB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc | 1,885,215,716 | 95% | 100.00% | |
| 76 | TAL | CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco | 503,999,708 | 40% | 100.00% | |
| 77 | TCB | Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | 10,629,360,621 | 55% | 100.00% | |
| 78 | TCH | CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy | 1,003,312,808 | 60% | 100.00% | |
| 79 | TCX | CTCP Chứng khoán Kỹ Thương | 3,329,339,823 | 15% | 100.00% | |
| 80 | TPB | Ngân hàng TMCP Tiên Phong | 3,190,134,896 | 50% | 100.00% | |
| 81 | VCB | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | 8,355,675,094 | 11% | 100.00% | |
| 82 | VCG | Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam | 698,176,245 | 55% | 100.00% | |
| 83 | VCI | CTCP Chứng khoán Vietcap | 1,152,231,925 | 75% | 100.00% | |
| 84 | VCK | CTCP Chứng khoán VPS | 2,434,919,704 | 25% | 100.00% | |
| 85 | VGC | Tổng Công ty Viglacera – CTCP | 448,350,000 | 12% | 100.00% | |
| 86 | VHC | CTCP Vĩnh Hoàn | 209,453,159 | 40% | 100.00% | |
| 87 | VHM | CTCP Vinhomes | 8,214,824,008 | 30% | 100.00% | |
| 88 | VIB | Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam | 3,735,386,252 | 60% | 100.00% | |
| 89 | VIC | Tập đoàn Vingroup – CTCP | 7,762,186,429 | 35% | 39.79% | |
| 90 | VIX | CTCP Chứng khoán VIX | 2,572,788,533 | 100% | 100.00% | |
| 91 | VJC | CTCP Hàng không Vietjet | 769,092,961 | 50% | 100.00% | |
| 92 | VND | CTCP Chứng khoán VNDIRECT | 1,522,299,908 | 75% | 100.00% | |
| 93 | VNM | CTCP Sữa Việt Nam | 2,089,955,445 | 40% | 100.00% | |
| 94 | VPB | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng | 10,000,000,000 | 55% | 100.00% | |
| 95 | VPI | CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú | 352,054,374 | 40% | 100.00% | |
| 96 | VPL | CTCP Vinpearl | 1,793,300,377 | 14% | 100.00% | |
| 97 | VPX | CTCP Chứng khoán VPBANK | 1,875,000,000 | 20% | 100.00% | |
| 98 | VRE | CTCP Vincom Retail | 2,272,318,410 | 40% | 100.00% | |
| 99 | VSC | CTCP Container Việt Nam | 374,370,362 | 95% | 100.00% | |
| 100 | VTP | Tổng CTCP Bưu chính Viettel | 201,885,171 | 40% | 100.00% | |

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

**CẬP NHẬT THÔNG TIN CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ VNSMALLCAP**

Kỳ tháng 10/2026

| Stt | Mã cổ phiếu | Tên Công ty | Khối lượng lưu hành tính chỉ số | Tỷ lệ free-float làm tròn (%) | Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | AAA | CTCP Nhựa An Phát Xanh | 393,742,730 | 50% | 100.00% | |
| 2 | AAM | CTCP Thủy Sản Mekong | 10,451,182 | 35% | 100.00% | |
| 3 | ABT | CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre | 11,777,257 | 20% | 100.00% | |
| 4 | ACC | CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC | 104,999,993 | 25% | 100.00% | |
| 5 | ACG | CTCP Gỗ An Cường | 150,787,946 | 11% | 100.00% | |
| 6 | ACL | CTCP Xuất Nhập khẩu Thủy Sản Cửu Long An Giang | 50,159,019 | 25% | 100.00% | |
| 7 | ADG | CTCP Clever Group | 21,380,521 | 30% | 100.00% | |
| 8 | ADP | CTCP Sơn Á Đông | 23,039,850 | 35% | 100.00% | |
| 9 | ADS | CTCP DAMSAN | 76,394,727 | 50% | 100.00% | |
| 10 | AFX | CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang | 35,000,000 | 40% | 100.00% | |
| 11 | AGG | CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia | 181,379,982 | 55% | 100.00% | |
| 12 | AGR | CTCP Chứng khoán Agribank | 242,010,482 | 30% | 100.00% | |
| 13 | APG | CTCP Chứng khoán APG | 223,621,942 | 75% | 100.00% | |
| 14 | APH | CTCP Tập đoàn An Phát Holdings | 243,884,268 | 65% | 100.00% | |
| 15 | ASM | CTCP Tập đoàn Sao Mai | 407,194,183 | 45% | 100.00% | |
| 16 | ASP | CTCP Tập đoàn Dầu Khí An Pha | 37,339,542 | 40% | 100.00% | |
| 17 | AST | CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco | 53,999,929 | 20% | 100.00% | |
| 18 | BCE | CTCP Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương | 41,999,846 | 50% | 100.00% | |
| 19 | BFC | CTCP Phân bón Bình Điền | 57,167,993 | 30% | 100.00% | |
| 20 | BIC | Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 202,067,057 | 15% | 100.00% | |
| 21 | BKG | CTCP Đầu tư BKG Việt Nam | 71,609,020 | 70% | 100.00% | |
| 22 | BMC | CTCP Khoáng Sản Bình Định | 12,392,630 | 60% | 100.00% | |
| 23 | BMI | Tổng CTCP Bảo Minh | 150,547,626 | 30% | 100.00% | |
| 24 | BRC | CTCP Cao Su Bến Thành | 12,374,997 | 13% | 100.00% | |
| 25 | BTP | CTCP Nhiệt Điện Bà Rịa | 60,485,600 | 20% | 100.00% | |
| 26 | C32 | CTCP Đầu tư và Xây dựng 3-2 | 30,058,290 | 30% | 100.00% | |
| 27 | C47 | CTCP Xây Dựng 47 | 36,342,269 | 50% | 100.00% | |
| 28 | CCC | CTCP Xây dựng CDC | 41,054,987 | 20% | 100.00% | |
| 29 | CCL | CTCP Đầu tư và Phát triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long | 65,538,283 | 80% | 100.00% | |
| 30 | CDC | CTCP Chương Dương | 105,545,322 | 50% | 100.00% | |
| 31 | CHP | CTCP Thủy Điện Miền Trung | 157,658,076 | 30% | 100.00% | |
| 32 | CIG | CTCP COMA18 | 51,039,947 | 40% | 100.00% | |
| 33 | CKG | CTCP Tập đoàn CIC | 161,807,526 | 80% | 100.00% | |
| 34 | CLL | CTCP Cảng Cát Lái | 34,000,000 | 45% | 100.00% | |
| 35 | CMX | CTCP Camimex Group | 101,898,990 | 40% | 100.00% | |
| 36 | CNG | CTCP CNG Việt Nam | 35,099,298 | 30% | 100.00% | |
| 37 | CRC | CTCP Create Capital Việt Nam | 106,699,924 | 50% | 100.00% | |
| 38 | CRE | CTCP Bất động sản Thế Kỷ | 463,678,426 | 40% | 100.00% | |
| 39 | CSM | CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam | 103,625,262 | 35% | 100.00% | |
| 40 | CSV | CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam | 110,499,910 | 35% | 100.00% | |
| 41 | CTF | CTCP City Auto | 95,653,859 | 45% | 100.00% | |
| 42 | CTI | CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận Idico | 69,299,861 | 90% | 100.00% | |
| 43 | D2D | CTCP Phát triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2 | 30,259,742 | 45% | 100.00% | |
| 44 | DAH | CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á | 84,200,000 | 65% | 100.00% | |
| 45 | DBD | CTCP Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định | 94,489,262 | 70% | 100.00% | |
| 46 | DBT | CTCP Dược phẩm Bến Tre | 21,967,262 | 30% | 100.00% | |
| 47 | DC4 | CTCP DICERA HOLDINGS | 110,028,467 | 45% | 100.00% | |
| 48 | DCL | CTCP Dược Phẩm Cửu Long | 73,041,030 | 40% | 100.00% | |
| 49 | DHA | CTCP Hóa An | 14,721,073 | 40% | 100.00% | |
| 50 | DHC | CTCP Đông Hải Bến Tre | 106,249,620 | 50% | 100.00% | |
| 51 | DHM | CTCP Đầu tư và Thương mại DHM | 34,535,699 | 30% | 100.00% | |
| 52 | DLG | CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai | 299,309,720 | 70% | 100.00% | |
| 53 | DPG | CTCP Tập đoàn Đạt Phương | 118,587,096 | 55% | 100.00% | |
| 54 | DPR | CTCP Cao Su Đồng Phú | 86,885,932 | 45% | 100.00% | |
| 55 | DRC | CTCP Cao Su Đà Nẵng | 154,429,283 | 50% | 100.00% | |
| 56 | DRL | CTCP Thủy Điện – Điện Lực 3 | 9,500,000 | 70% | 100.00% | |
| 57 | DSC | CTCP Chứng khoán DSC | 278,362,761 | 15% | 100.00% | |
| 58 | DSN | CTCP Công Viên Nước Đầm Sen | 12,083,009 | 55% | 100.00% | |
| 59 | DTA | CTCP Đệ Tam | 19,504,499 | 55% | 100.00% | |
| 60 | DVP | CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ | 40,000,000 | 25% | 100.00% | |
| 61 | DXS | CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh | 579,103,124 | 40% | 100.00% | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 62 | DXV | CTCP Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng | 9,900,000 | 25% | 100.00% | |
| 63 | ELC | CTCP Công nghệ – Viễn thông ELCOM | 117,748,108 | 65% | 100.00% | |
| 64 | EVE | CTCP Everpia | 41,979,773 | 45% | 100.00% | |
| 65 | EVG | CTCP Tập đoàn Everland | 226,011,737 | 55% | 100.00% | |
| 66 | FCM | CTCP Bê tông Phan Vũ Hà Nam | 46,226,626 | 50% | 100.00% | |
| 67 | FCN | CTCP Tập đoàn Fecon | 157,439,005 | 65% | 100.00% | |
| 68 | FIR | CTCP Địa ốc First Real | 70,669,620 | 65% | 100.00% | |
| 69 | FIT | CTCP Tập đoàn F.I.T | 339,933,034 | 70% | 100.00% | |
| 70 | FMC | CTCP Thực Phẩm Sao Ta | 65,388,889 | 20% | 100.00% | |
| 71 | GDT | CTCP Chế Biến Gỗ Đức Thành | 27,053,011 | 55% | 100.00% | |
| 72 | GEG | CTCP Điện Gia Lai | 376,220,525 | 30% | 100.00% | |
| 73 | GIL | CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh | 101,596,218 | 80% | 100.00% | |
| 74 | GSP | CTCP Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế | 74,268,420 | 30% | 100.00% | |
| 75 | HAP | CTCP Tập đoàn Hapaco | 110,942,302 | 20% | 100.00% | |
| 76 | HAR | CTCP Đầu tư Thương Mại Bất Động Sản An Dương Thảo Điền | 95,684,090 | 75% | 100.00% | |
| 77 | HAX | CTCP Dịch Vụ Ô tô Hàng Xanh | 107,439,681 | 55% | 100.00% | |
| 78 | HCD | CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD | 46,197,821 | 40% | 100.00% | |
| 79 | HDC | CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa – Vũng Tàu | 229,712,443 | 85% | 100.00% | |
| 80 | HHP | CTCP HHP GLOBAL | 92,179,685 | 65% | 100.00% | |
| 81 | HHS | CTCP Đầu tư Dịch Vụ Hoàng Huy | 431,985,968 | 40% | 100.00% | |
| 82 | HID | CTCP Halcom Việt Nam | 76,756,321 | 60% | 100.00% | |
| 83 | HII | CTCP An Tiến Industries | 73,663,016 | 45% | 100.00% | |
| 84 | HMC | CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh – VNSTEEL | 27,299,999 | 30% | 100.00% | |
| 85 | HPX | CTCP Đầu tư Hải Phát | 304,168,581 | 80% | 100.00% | |
| 86 | HQC | CTCP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân | 626,599,274 | 80% | 100.00% | |
| 87 | HRC | CTCP Cao Su Hòa Bình | 30,206,622 | 11% | 100.00% | |
| 88 | HSL | CTCP Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà | 38,567,363 | 75% | 100.00% | |
| 89 | HTG | Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ | 43,202,392 | 35% | 100.00% | |
| 90 | HTI | CTCP Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Idico | 24,949,200 | 40% | 100.00% | |
| 91 | HTN | CTCP Hưng Thịnh Incons | 133,674,437 | 45% | 100.00% | |
| 92 | HTV | CTCP Logistics Vicem | 13,104,000 | 20% | 100.00% | |
| 93 | HU1 | CTCP Đầu tư và Xây Dựng HUD1 | 25,000,000 | 20% | 100.00% | |
| 94 | HUB | CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế | 31,754,597 | 40% | 100.00% | |
| 95 | HVH | CTCP Đầu tư và công nghệ HVC | 71,742,434 | 35% | 100.00% | |
| 96 | ICT | CTCP Viễn thông – Tin học Bưu điện | 32,185,000 | 45% | 100.00% | |
| 97 | IDI | CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I | 273,172,668 | 45% | 100.00% | |
| 98 | IJC | CTCP Phát triển Hạ Tầng Kỹ Thuật | 629,580,640 | 50% | 100.00% | |
| 99 | ILB | CTCP ICD Tân Cảng – Long Bình | 38,199,492 | 35% | 100.00% | |
| 100 | ITC | CTCP Đầu tư Kinh Doanh Nhà | 101,689,853 | 45% | 100.00% | |
| 101 | ITD | CTCP Công Nghệ ITD | 30,883,052 | 55% | 100.00% | |
| 102 | JVC | CTCP Đầu tư Y tế – Dược Phẩm Việt Nam | 112,500,171 | 65% | 100.00% | |
| 103 | KHG | CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land | 449,435,205 | 55% | 100.00% | |
| 104 | KHP | CTCP Điện Lực Khánh Hòa | 62,186,518 | 50% | 100.00% | |
| 105 | KMR | CTCP MIRAE | 56,877,807 | 35% | 100.00% | |
| 106 | KSB | CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương | 114,443,703 | 75% | 100.00% | |
| 107 | LAF | CTCP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An | 15,228,019 | 15% | 100.00% | |
| 108 | LBM | CTCP Khoáng Sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng | 50,000,000 | 25% | 100.00% | |
| 109 | LCG | CTCP Lizen | 206,602,129 | 95% | 100.00% | |
| 110 | LGL | CTCP Đầu tư và Phát triển Đô Thị Long Giang | 51,497,100 | 50% | 100.00% | |
| 111 | LHG | CTCP Long Hậu | 50,012,010 | 50% | 100.00% | |
| 112 | LIX | CTCP Bột Giặt Lix | 64,800,000 | 35% | 100.00% | |
| 113 | LSS | CTCP Mía đường Lam Sơn | 90,026,592 | 40% | 100.00% | |
| 114 | MCM | CTCP Giống bò sữa Mộc Châu | 110,000,000 | 35% | 100.00% | |
| 115 | MCP | CTCP In và Bao Bì Mỹ Châu | 19,868,149 | 15% | 100.00% | |
| 116 | MDG | CTCP Miền Đông | 10,324,781 | 20% | 100.00% | |
| 117 | MHC | CTCP MHC | 45,648,669 | 25% | 100.00% | |
| 118 | MIG | Tổng CTCP Bảo hiểm Quân đội | 211,503,463 | 25% | 100.00% | |
| 119 | MSH | CTCP May Sông Hồng | 112,521,020 | 40% | 100.00% | |
| 120 | NAF | CTCP Nafoods Group | 61,181,992 | 55% | 100.00% | |
| 121 | NBB | CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy | 100,475,656 | 20% | 100.00% | |
| 122 | NCT | CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài | 26,165,732 | 30% | 100.00% | |
| 123 | NHA | Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội | 71,266,847 | 60% | 100.00% | |
| 124 | NHH | CTCP Nhựa Hà Nội | 112,964,000 | 25% | 100.00% | |
| 125 | NHT | CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa | 24,003,698 | 30% | 100.00% | |
| 126 | NNC | CTCP Đá Núi Nhỏ | 21,920,000 | 25% | 100.00% | |
| 127 | NO1 | CTCP Tập đoàn 911 | 24,599,798 | 50% | 100.00% | |
| 128 | NTC | CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên | 23,999,980 | 30% | 100.00% | |
| 129 | NTL | CTCP Phát triển Đô Thị Từ Liêm | 121,979,900 | 60% | 100.00% | |
| 130 | OGC | CTCP Tập đoàn Đại Dương | 299,999,999 | 45% | 100.00% | |
| 131 | ORS | CTCP Chứng khoán Tiên Phong | 623,930,904 | 50% | 100.00% | |
| 132 | PAC | CTCP Pin Ắc Quy Miền Nam | 76,677,626 | 35% | 100.00% | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 133 | PDV | CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt | 79,314,926 | 25% | 100.00% | |
| 134 | PET | Tổng CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí | 154,743,759 | 65% | 100.00% | |
| 135 | PGC | Tổng Công ty Gas Petrolimex – CTCP | 60,339,285 | 30% | 100.00% | |
| 136 | PHC | CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings | 50,681,927 | 85% | 100.00% | |
| 137 | PIT | CTCP Xuất Nhập khẩu Petrolimex | 14,210,225 | 11% | 100.00% | |
| 138 | PMG | CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung | 46,336,278 | 20% | 100.00% | |
| 139 | PPC | CTCP Nhiệt Điện Phả Lại | 320,613,054 | 30% | 100.00% | |
| 140 | PTB | CTCP Phú Tài | 100,407,074 | 55% | 100.00% | |
| 141 | PTC | CTCP Đầu tư Icapital | 32,191,624 | 35% | 100.00% | |
| 142 | PVP | CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương | 103,702,452 | 35% | 100.00% | |
| 143 | QCG | CTCP Quốc Cường Gia Lai | 275,129,141 | 40% | 100.00% | |
| 144 | RAL | CTCP Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông | 23,547,419 | 30% | 100.00% | |
| 145 | RYG | CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia | 52,649,967 | 50% | 100.00% | |
| 146 | SAM | CTCP SAM Holdings | 402,753,343 | 80% | 100.00% | |
| 147 | SAV | CTCP Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex | 27,334,710 | 40% | 100.00% | |
| 148 | SBG | CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba | 59,999,917 | 40% | 100.00% | |
| 149 | SCR | CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | 430,595,036 | 65% | 100.00% | |
| 150 | SCS | CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn | 95,907,682 | 45% | 100.00% | |
| 151 | SFI | CTCP Đại Lý Vận Tải Safi | 24,647,034 | 20% | 100.00% | |
| 152 | SGN | CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn | 33,498,591 | 20% | 100.00% | |
| 153 | SGR | Tổng CTCP Địa ốc Sài Gòn | 83,849,853 | 50% | 100.00% | |
| 154 | SGT | CTCP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn | 148,003,208 | 25% | 100.00% | |
| 155 | SHA | CTCP Sơn Hà Sài Gòn | 35,118,632 | 40% | 100.00% | |
| 156 | SHI | CTCP Quốc Tế Sơn Hà | 169,949,549 | 55% | 100.00% | |
| 157 | SJD | CTCP Thủy Điện Cần Đơn | 68,998,620 | 50% | 100.00% | |
| 158 | SKG | CTCP Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang | 66,497,697 | 55% | 100.00% | |
| 159 | SMB | CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung | 29,846,648 | 35% | 100.00% | |
| 160 | SRC | CTCP Cao Su Sao Vàng | 36,481,727 | 14% | 100.00% | |
| 161 | ST8 | CTCP Tập đoàn ST8 | 25,720,902 | 100% | 100.00% | |
| 162 | STK | CTCP Sợi Thế Kỷ | 154,135,020 | 30% | 100.00% | |
| 163 | SVD | CTCP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng | 27,605,908 | 35% | 100.00% | |
| 164 | SVT | CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông | 17,310,978 | 30% | 100.00% | |
| 165 | SZC | CTCP Sonadezi Châu Đức | 179,985,863 | 40% | 100.00% | |
| 166 | SZL | CTCP Sonadezi Long Thành | 48,198,884 | 20% | 100.00% | |
| 167 | TCI | CTCP Chứng khoán Thành Công | 115,620,964 | 30% | 100.00% | |
| 168 | TCL | CTCP Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng | 30,158,436 | 45% | 100.00% | |
| 169 | TCM | CTCP Dệt May – Đầu tư – Thương Mại Thành Công | 117,638,627 | 45% | 100.00% | |
| 170 | TCO | CTCP JANUS GROUP | 57,320,622 | 35% | 100.00% | |
| 171 | TCT | CTCP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh | 12,788,000 | 20% | 100.00% | |
| 172 | TDC | CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương | 127,228,000 | 40% | 100.00% | |
| 173 | TDG | CTCP Đầu tư TDG GLOBAL | 24,211,190 | 80% | 100.00% | |
| 174 | TDH | CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức | 112,652,767 | 55% | 100.00% | |
| 175 | TDP | CTCP Thuận Đức | 103,069,382 | 35% | 100.00% | |
| 176 | TEG | CTCP Trường Thành Energy Group | 120,806,562 | 40% | 100.00% | |
| 177 | THG | CTCP Đầu tư và Xây Dựng Tiền Giang | 35,176,307 | 60% | 100.00% | |
| 178 | TIP | CTCP Phát triển Khu Công Nghiệp Tín Nghĩa | 65,007,857 | 30% | 100.00% | |
| 179 | TLD | CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long | 81,628,423 | 50% | 100.00% | |
| 180 | TLG | CTCP Tập đoàn Thiên Long | 96,528,340 | 40% | 100.00% | |
| 181 | TLH | CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên | 112,320,017 | 65% | 100.00% | |
| 182 | TMT | CTCP Ô tô TMT | 36,877,980 | 20% | 100.00% | |
| 183 | TN1 | CTCP ROX Key Holdings | 66,104,928 | 30% | 100.00% | |
| 184 | TNH | CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH | 165,726,943 | 50% | 100.00% | |
| 185 | TNI | CTCP Tập đoàn Thành Nam | 52,500,000 | 85% | 100.00% | |
| 186 | TNT | CTCP Tập đoàn TNT | 51,000,000 | 50% | 100.00% | |
| 187 | TPC | CTCP Nhựa Tân Đại Hưng | 12,816,956 | 25% | 100.00% | |
| 188 | TRC | CTCP Cao Su Tây Ninh | 120,000,000 | 30% | 100.00% | |
| 189 | TSC | CTCP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Cần Thơ | 196,858,925 | 60% | 100.00% | |
| 190 | TTA | CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành | 178,559,087 | 35% | 100.00% | |
| 191 | TV2 | CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2 | 67,526,165 | 45% | 100.00% | |
| 192 | TVB | CTCP Chứng khoán T-Cap | 109,121,519 | 20% | 100.00% | |
| 193 | TVS | CTCP Chứng khoán Thiên Việt | 244,643,477 | 45% | 100.00% | |
| 194 | UIC | CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô Thị Idico | 8,300,000 | 30% | 100.00% | |
| 195 | VAB | Ngân hàng TMCP Việt Á | 902,075,041 | 85% | 100.00% | |
| 196 | VCA | CTCP Thép VICASA | 15,187,322 | 30% | 100.00% | |
| 197 | VDS | CTCP Chứng khoán Rồng Việt | 299,200,000 | 40% | 100.00% | |
| 198 | VFG | CTCP Khử Trùng Việt Nam | 41,712,614 | 40% | 100.00% | |
| 199 | VIP | CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vipco | 68,470,941 | 50% | 100.00% | |
| 200 | VNL | CTCP Logistics Vinalink | 14,808,787 | 85% | 100.00% | |
| 201 | VNS | CTCP Ánh Dương Việt Nam | 67,859,192 | 11% | 100.00% | |
| 202 | VOS | CTCP Vận tải biển Việt Nam | 140,000,000 | 50% | 100.00% | |
| 203 | VPH | CTCP Vạn Phát Hưng | 95,357,800 | 45% | 100.00% | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 204 | VPS | CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam | 24,460,792 | 25% | 100.00% | |
| 205 | VRC | CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC | 50,000,000 | 30% | 100.00% | |
| 206 | VSI | CTCP Đầu tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước | 13,199,997 | 25% | 100.00% | |
| 207 | VTB | CTCP Viettronics Tân Bình | 10,804,520 | 45% | 100.00% | |
| 208 | VTO | CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco | 79,866,666 | 45% | 100.00% | |
| 209 | VVS | CTCP Đầu tư Phát triển máy Việt Nam | 43,050,000 | 35% | 100.00% | |
| 210 | YBM | CTCP YBM | 32,174,525 | 20% | 100.00% | |
| 211 | YEG | CTCP Tập đoàn Yeah1 | 205,226,448 | 70% | 100.00% | |